

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM ĐỘNG  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 38/2021/HSST  
Ngày 20.9.2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Minh và bà Vũ Thị Liên.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:***  
ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 26/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST - HS ngày 06/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Ngô Đăng Q, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Ngô Văn Q và con bà: Đinh Thị U; vợ: Vũ Thị Thu N; bị cáo khai có 01 con sinh ngày 20/8/2021; tiền án, tiền sự: chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021, chuyển tạm giam ngày 18/5/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kim Động. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Phạm Văn H và con bà: Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: chưa có. Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 17/5/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kim Động. Có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị hại:** Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T. Địa chỉ: Số 30A3, ngõ 66/11 T, phường T, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Huy N – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn T1, sinh năm 1996; trú tại: thôn P, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983(vắng mặt).

Đều trú tại: thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; trú tại; thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964; trú tại: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngô Đăng Q là lao động tự do, làm thuê kéo dây cáp, dựng cột điện lực. Ngày 26/4/2021, khi đi qua địa bàn thôn Đào Xá, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Q phát hiện trên các cột điện có các đoạn dây cáp điện đã qua sử dụng và được thay thế, không có dòng điện chạy qua chưa được thu hồi (thuộc phạm vi dự án DZ và TBA K do công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T thực hiện thi công) không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 01/5/2021, Q dùng điện thoại Iphone 6, màu trắng liên lạc qua ứng dụng Messenger với Phạm Văn T, rủ đi thu hồi dây cáp điện cũ, Q hứa trả công cho T 2.000.000 đồng. Lúc này, Q không nói với T là đi trộm cắp dây cáp điện cũ nên T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 34F1-026.51 đến nhà Q đón. Khi đến nơi Q đã mặc sẵn áo bảo hộ lao động màu cam của ngành điện lực mang theo 01 dây đai an toàn bằng dây dù màu xanh có móc chốt bằng kim loại, 01 kìm bằng có chuôi bọc nhựa màu vàng – đen, chiều dài 25cm, 01 bộ gồm 02 chiếc guốc trèo làm bằng kim loại, có kích thước (60x25)cm, có ghi chữ Guốc trèo ĐK 250. T điều khiển xe mô tô chở Q cùng các vật dụng trên theo sự hướng dẫn, chỉ đường của Q đến thôn Đào Xá, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Đến nơi, Q sử dụng guốc trèo, đai an toàn trèo lên các cột điện, dùng kìm cắt các dây cáp điện đã được thay thế, không có dòng điện chạy qua chưa được thu hồi và bảo T ở dưới thu các dây cáp điện này cuộn tròn thành đống. Sau khi cắt trộm dây cáp điện ở thôn Đào Xá xong, Q sử dụng điện thoại Iphone 6 có số thuê bao 0383254689 của mình để liên lạc với số thuê bao 0338344657 của chị Nguyễn Thị H là người chuyên thu mua phế liệu, hỏi chị H có mua dây cáp điện không, nếu mua thì ra chỗ ngã ba đèn xanh đỏ QL39 thuộc thôn Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, chị H đồng ý mua, lúc này T đã nhận thức rõ được việc cắt dây cáp điện cùng Q là trộm cắp tài sản nhưng T vẫn tiếp tục cùng Q thực hiện trộm cắp dây cáp điện vì Quyền hứa hẹn trả tiền công 2.000.000 đồng. Sau khi gọi điện thoại để bán dây cáp đã cắt xong thì Q bảo T đi xe mô tô ra ngã ba đèn xanh đỏ đón chị H vào để mua số dây cáp điện vừa cắt được, chị H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển số 89D1-076.81 cùng chồng là anh Nguyễn Văn K điều khiển xe

mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, biển số 14H2-5180 kéo theo xe lôi tự chế đến ngã ba đèn xanh đỏ đã hẹn và được T đón. Thuận dẫn chị H và anh K đến thôn Đào Xá, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động gặp Q đang đứng ở gần đồng dây cáp điện lực cũ. Chị H và anh K thấy Q mặc quần áo điện lực, chị H có hỏi “*sao không nhập về kho*” thì Q có nói “*tôi là nhân viên điện lực, được phép bán*” nên chị H đồng ý mua. Q và chị H thỏa thuận giá mua bán là 18.000 đồng/01kg dây cáp điện lực cũ, sau đó, Q, T, chị H và anh K cùng bê các đoạn dây cáp điện lực cũ đó lên xe lôi rồi tất cả đi về nhà chị H để cân, mua bán. Sau khi cân được 177kg, chị H đã thanh toán cho Q số tiền 3.200.000 đồng. Q nói với chị H còn chỗ dây điện cũ nữa, khi nào thu xong sẽ gọi điện thoại cho chị H để đến mua. Sau đó, Q cùng T tiếp tục điều khiển xe mô tô quay lại đến thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân và tại đây, cũng cách thức như cũ, Q trèo lên cột điện và cắt dây cáp điện lực cũ, không có dòng điện chạy qua, T ở dưới thu dây cáp điện lực cũ thành đồng. Q gọi điện cho chị H và anh K đến thu mua và chở số dây cáp vừa cắt được ở thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân về nhà chị H cân được 83kg, chị H thanh toán cho Q số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi trộm cắp và bán dây điện cho chị H được tổng số tiền là 4.700.000 đồng, Q cùng T đi xe mô tô biển số 34H1-026.51 về nhà Q, tại đây, Q đưa cho T 2.000.000 đồng, còn số tiền 2.700.000 đồng đến ngày 02/5/2021 Q đưa cho vợ là chị Vũ Thị Thu N để chi tiêu sinh hoạt hết. T sau khi nhận được số tiền 2.000.000 đồng từ Q cũng đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua được số dây cáp điện cũ của Q và T, chị H đã bán lại 105kg dây cáp điện cũ cho anh Phạm Văn T2 (thường gọi là T3), sinh năm 1991, ở thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên là người chuyên thu mua phế liệu được số tiền 1.995.000 đồng. Anh T đã sơ chế số dây cáp điện cũ mua được trên của chị H rồi bán lại cho người không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 2.140.000 đồng. Sau đó, chị H tiếp tục bán 83kg dây cáp điện cũ cho một người phụ nữ thu mua phế liệu đi qua đường, không biết rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 1.577.000 đồng. Khi mua của T, Q, chị H có thỏa thuận trừ hao số kg nên khối lượng khi bán lại có chênh lệch gia tăng lên 268kg (so với 260kg khi cân thanh toán với Q).

Ngày 07/5/2021, chị Nguyễn Thị H đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động (dưới đây viết tắt là: Cơ quan điều tra) 80 kg dây cáp điện cũ; 01 chiếc xe máy biển số 89D1-076.81; 01 chiếc xe máy biển số 14H2-5180 kéo theo 01 xe lôi tự chế, 01 chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hòa loại 100kg.

Kết quả điều tra đã xác định được Q và T đã trộm cắp và bán lại thực tế là 268kg dây cáp điện cũ, đã mang bán cho chị H toàn bộ số dây điện trên, sau đó chị H đã bán lại cho những người khác (bán cho anh T 105kg, bán cho người phụ

nữ 83kg và chị H giao nộp cho Cơ quan điều tra 80kg), không phải là số lượng 258,5m như anh Phạm Văn T1 đã ước lượng trình báo. Do vậy, Cơ quan điều tra đã Trung cầu định giá trên cơ sở khối lượng dây cáp điện mà các đối tượng đã thực tế trộm cắp, tiêu thụ nêu trên.

Tại bản kết luận định giá số 26 ngày 9/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng huyện Kim Động, kết luận: 268 kg dây cáp điện loại dây vặn xoắn 4x70 (đã qua sử dụng) có giá trị trên thị trường khoảng là: 268kg x 18.000 đồng/kg = 4.824.000 đồng

Ngày 15/5/2021, Cơ quan điều tra ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Đăng Q và Phạm Văn T. Quá trình khám xét, Q tự nguyện giao nộp 01 chiếc áo bảo hộ lao động màu cam, 01 đôi guốc treo làm bằng kim loại có kích thước (60x25)cm có ghi chữ Guốc treo ĐK250, 01 chiếc kìm bằng sắt có chuôi bọc nhựa màu vàng – đen chiều dài 25cm và T tự nguyện giao nộp 01 chiếc mô tô Honda Wave màu đen, biển số 34F1-02651 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 34F1-026.51

Đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K đều không biết việc Q và T bán dây cáp điện là tài sản do trộm cắp được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Phan Thanh T và người phụ nữ khoảng 40 tuổi đi thu mua phế liệu lại của chị Nguyễn Thị H, do không biết số dây cáp điện cũ chị H bán là tài sản do trộm cắp được và chị H không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của người phụ nữ này nên không có căn cứ để xử lý

Đối với chị Vũ Thị Thu N do không biết số tiền 2.700.000 đồng là số tiền mà Q bán tài sản trộm cắp có được nên không có căn cứ xử lý.

Về vật chứng liên quan trong vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu trắng và 01 chiếc đai an toàn bằng dù màu xanh có móc kim loại bản rộng khoảng 3cm mà Ngô Đăng Q sử dụng khi thực hiện trộm cắp tài sản, Q không xác định được địa điểm đã làm rơi, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, biển số 89D1-076.81; 01 chiếc cân nhãn hiệu NHƠN HÒA, loại cân 100kg và 01 xe chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, biển số 14H2-5180, kéo theo 01 xe lôi tự chế. Quá trình điều tra xác định được những tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969, ở thôn An Xá, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Ông Nguyễn Văn T cho chị H, anh K mượn để kinh doanh phế liệu, không biết việc có liên quan đến sự việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho ông Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, biển số 89D1-076.81; 01 chiếc cân nhãn hiệu NHƠN HÒA, loại cân 100kg, riêng đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, biển số

14H2-5180, kéo theo 01 xe lôi tự chế hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện Kim Động.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, biển số 34F1-026.51 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 34F1-026.51. Quá trình điều tra xác định, chủ phương tiện đăng ký mang tên Phạm Thị T, sinh năm 1993, ở thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (là chị gái của T), hiện đi xuất khẩu lao động ở Liên Bang Nga, trước khi đi chị Phạm Thị T đã bàn giao lại xe cho ông Phạm Văn H (bố đẻ của T). Ông H có cho T mượn sử dụng chiếc xe trên, tuy nhiên không biết việc T sử dụng xe vào việc phạm tội. Hiện chiếc xe mô tô trên được quản lý tại kho vật chứng.

Đối với 80kg dây điện cũ vỏ màu đen, lõi kim loại màu trắng và 01 đầu nối cáp điện bằng kim loại có gắn các đoạn dây điện vỏ màu đen, lõi bằng kim loại kích thước (37x48)cm (thu được từ hiện trường); 02 chiếc guốc chèo làm bằng kim loại, có kích thước (60x25)cm, có ghi chữ Guốc trèo ĐK250; 01 chiếc kìm bằng sắt có chuôi bọc nhựa màu vàng – đen, chiều dài 25cm; 01 chiếc áo bảo hộ lao động màu vàng cam, được quản lý tại kho vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản trả Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T số tiền 4.824.000 đồng, đại diện Công ty không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Chị H không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số 36/CT-VKSKĐ ngày 26/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố Ngô Đăng Q và Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Ngô Đăng Q và Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản và đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65; Bộ luật Hình sự. Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo Ngô Văn Q và Phạm Văn T.

Xử phạt bị cáo Q từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục các bị cáo Q, T trong thời gian thử thách.

Trả tự do ngay cho các bị cáo tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại 80kg dây cáp điện cũ, lõi kim loại màu trắng và 01 đầu nối dây cáp điện bằng kim loại có gắn các dây điện vỏ màu đen, lõi bằng kim loại kích thước (37x48)cm (thu được từ hiện trường) cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng T.

Trả lại ông Phạm Văn H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, biển số 34F1-026.51 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 34F1-026.51 tên chủ sử dụng là Phạm Thị T;

Trả lại chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, biển số 14H2-5180; 01 đăng ký mô tô xe máy biển số 14H2-5180 tên chủ sử dụng là Công ty TNHH TM&ĐTPTCNC T và 01 xe lôi tự chế.

Tịch thu cho hủy: 02 chiếc guốc chèo làm bằng kim loại, có kích thước (60x25)cm, có ghi chữ Guốc chèo ĐK250; 01 chiếc kìm bằng sắt có chuôi bọc nhựa màu vàng – đen, chiều dài 25cm; 01 chiếc áo bảo hộ lao động màu vàng cam.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai phạm của mình và đề nghị HĐXX cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên

tòa phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu chứng cứ khác của vụ án như: Đơn trình báo; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Lời khai của bị hại, Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Biên bản vụ việc, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/5/2021, tại địa bàn các thôn Đào Xá và thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Ngô Đăng Q và Phạm Văn T đã trộm cắp 268kg dây cáp điện, loại dây vặn xoắn 4/70 đã qua sử dụng thuộc phạm vi dự án DZ và TBA Kim Động do công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T thực hiện thi công, có giá trị tài sản là 4.824.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản như trên là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố là đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K đều không biết việc Q và T bán dây cáp điện là tài sản do trộm cắp được nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Phan Thanh T và người phụ nữ khoảng 40 tuổi đi thu mua phế liệu lại của chị Nguyễn Thị H, do không biết số dây cáp điện cũ chị H bán là tài sản do trộm cắp được và chị H không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của người phụ nữ này nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chị Vũ Thị Thu N do không biết số tiền 2.700.000 đồng là số tiền mà Q bán tài sản trộm cắp có được nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhận thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo có sự tiếp nhận ý chí của nhau, cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng không có sự câu kết chặt chẽ cũng không phân công nhiệm vụ cụ thể nên thuộc hình thức đồng phạm giản đơn. Trong đó, Q là người chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò thứ nhất, T là người tích cực cùng Q thực hiện hành vi phạm tội và hưởng lợi từ hành vi phạm tội của các bị cáo nên có vai trò thứ hai.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác gây mất an ninh trật tự trị an và gây ra tâm lý hoang mang, bất an cho nhân dân địa phương. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương

xứng với tính chất, mức độ hậu quả mà bị cáo đã thực hiện để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] . Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ thái độ ăn năn, hối hận; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đại diện bị hại có đơn xin cho các bị cáo được tại ngoại tại địa phương. Bị cáo Q có ông ngoại là Đinh Xuân L có Huân chương kháng chiến hạng nhì và vợ bị cáo là chị Vũ Thị Thu N có đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già ốm đau thường xuyên, chị mới sinh con, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được tại ngoại tại địa phương, có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo T có bố đẻ là Phạm văn H đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, ông H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, có xác nhận của chính quyền địa phương nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự .

Các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những phân tích và nhận định về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét thấy, cần phải xét xử bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, bị cáo Q có vai trò cao hơn nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T nhưng không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: gia đình các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T số tiền là 4.824.000 đồng. Đại diện của Công ty không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Chị H không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng, đồ vật:

Đối với 80kg dây cáp điện cũ lõi kim loại màu trắng do chị H giao nộp cho cơ quan điều tra. Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T đề nghị trả lại cho Công ty nên sẽ trả lại cho Công ty.

Đối với 01 đầu nối cáp điện bằng kim loại có gắn các đoạn dây điện vỏ màu đen, lõi bằng kim loại kích thước (37x48)cm (thu được từ hiện trường) nên trả lại Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, biển số 34F1-026.51 do ông Phạm Văn H là người đang quản lý xe hợp pháp. Xét thấy, việc bị cáo T dùng xe để thực hiện hành vi trộm cắp nhưng ông H không biết, ông H có nguyện vọng xin lại chiếc xe nên sẽ trả lại cho ông H.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, biển số 14H2-5180 và 01 xe ô tô tự chế là phương tiện chị H, anh K dùng để chở tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, nhưng chị H, anh K đều không biết nên trả lại xe mô tô và xe ô tô tự chế trên cho chị H, anh K.

Đối với 01 đăng kí xe mô tô biển số 34F1-026.51 tên chủ sử dụng là Phạm Thị T do ông Phạm Văn H là người đang quản lý hợp pháp nên Tòa án trả lại ngay cho ông H. 01 đăng ký mô tô xe máy biển số 14H2-5180 tên chủ sử dụng là Công ty TNHH TM&ĐT PTCNC T do vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là người đang quản lý nên Tòa án trả lại ngay cho chị H, anh K.

Đối với tài sản thu giữ của các bị cáo bao gồm: 02 chiếc guốc chèo làm bằng kim loại, có kích thước (60x25)cm, có ghi chữ Guốc treò ĐK250; 01 chiếc kìm bằng sắt có chuôi bọc nhựa màu vàng – đen, chiều dài 25cm; 01 chiếc áo bảo hộ lao động màu vàng cam. Xét thấy, đây là những đồ vật các bị cáo sử dụng khi đi thực hiện hành vi trộm cắp nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo Ngô Đăng Q và Phạm Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Đăng Q và Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

+ Bị cáo Ngô Đăng Q 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/9/2021.

+ Bị cáo Phạm Văn T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/9/2021.

Giao các bị cáo Ngô Đăng Q và Phạm Văn T cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án từ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Ngô Đăng Q và Phạm Văn T, nếu các bị cáo Q, T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Trả lại Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T 80kg dây cáp điện cũ, lõi kim loại màu trắng và 01 đầu nối dây cáp điện bằng kim loại có gắn các dây điện vỏ màu đen, lõi bằng kim loại kích thước (37x48)cm (thu được từ hiện trường).

+ Trả lại ông Phạm Văn H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, biển số 34F1-026.51.

+ Trả lại chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, biển số 14H2-5180 và 01 xe lôi tự chế.

+ Tịch thu cho hủy 02 chiếc guốc chèo làm bằng kim loại, có kích thước (60x25)cm, có ghi chữ Guốc trèo ĐK250; 01 chiếc kìm bằng sắt có chuôi bọc nhựa màu vàng – đen, chiều dài 25cm; 01 chiếc áo bảo hộ lao động màu vàng cam.

*(Tình trạng, đặc điểm các vật chứng, tài sản và đồ vật nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động ngày 07/9/2021).*

+ Trả lại ngay 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 34F1-026.51 tên chủ sử dụng là Phạm Thị T cho ông Phạm Văn H và 01 đăng ký mô tô xe máy biển số 14H2-5180 tên chủ sử dụng là Công ty TNHH TM&ĐT PTCNC T cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt tra giải quyết.

Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Ngô Đăng Q, Phạm Văn T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Động;
- Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc Oanh**